

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THẠCH KHÊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **01** /2026/QĐ-UBND

Thạch Khê, ngày **09** tháng **10** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở
trên địa bàn xã Thạch Khê**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 97/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; số 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; số 59/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội tại Tờ trình số 28/TTr-VHXH ngày 28/8/2026; Báo cáo thẩm định số 01/BC-VP ngày 26/6/2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã và kết quả biểu quyết của các thành viên Ủy ban nhân dân xã tại cuộc họp ngày 03/8/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Thạch Khê.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế các Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của Ủy ban nhân dân xã Thạch Hải ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Thạch Hải; Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã Thạch Khê (cũ) ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Thạch Khê; Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của Ủy ban nhân dân xã Đình Bàn ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Đình Bàn.

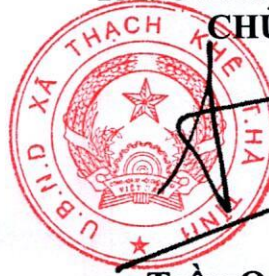
Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân

có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ (b/c);
- Sở Tư pháp (KT);
- Ban Thường vụ Đảng ủy xã (b/c);
- Thường trực HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- MTTQ, các ban, phòng, ngành, đoàn thể cấp xã;
- Văn phòng HĐND-UBND xã (Tự KT);
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Trưởng các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VH-XH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quang Hưng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Thạch Khê
(Ban hành kèm theo Quyết định số **01** /2026/QĐ-UBND, ngày **09** / **10** /2026
của Ủy ban nhân dân xã Thạch Khê)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Quy chế này quy định việc tổ chức thực hiện dân chủ ở xã và cộng đồng dân cư trên địa bàn xã Thạch Khê; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, các cơ quan, đơn vị, Trưởng thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở;
2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã;
3. Những nội dung về thực hiện dân chủ ở cơ sở không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, các nghị định của Chính phủ và văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở là xã và cộng đồng dân cư trên địa bàn xã; cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị); tổ chức có sử dụng lao động.
2. Thực hiện dân chủ ở cơ sở là phương thức phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, để công dân được thông tin, thể hiện ý chí, nguyện vọng, chính kiến của mình thông qua việc thảo luận, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát các vấn đề ở cơ sở theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.
3. Cộng đồng dân cư là nhóm công dân Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện quy chế dân chủ.

1. Bảo đảm quyền của công dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Thạch Khê.
2. Thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Thạch Khê phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ủy, quản lý của Ủy ban nhân dân, vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ.
3. Thực hiện quy chế dân chủ trên địa bàn xã Thạch Khê trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm trật tự, kỷ cương, không cản trở hoạt động bình thường của chính quyền.

4. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Thạch Khê.

6. Tôn trọng ý kiến đóng góp của Nhân dân, kịp thời giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

Chương II

THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THẠCH KHÊ

Mục 1

CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 4. Những nội dung chính quyền phải công khai

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế hằng năm của địa phương và kết quả thực hiện.

2. Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch hoạt động tài chính của địa phương trình Hội đồng nhân dân xã; dự toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định; số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã định kỳ theo quý, 06 tháng, hằng năm; quyết toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (nếu có).

3. Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn và tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn; kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do UBND xã Thạch Khê quản lý; Kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích; Quy hoạch xây dựng xã; Quy hoạch điểm dân cư nông thôn.

4. Quy chế thực hiện dân chủ ở xã; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở thôn; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương xã.

5. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với địa bàn xã; các khoản huy động Nhân dân đóng góp.

6. Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công do cấp xã quản lý; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công của chính quyền địa phương xã.

7. Chủ trương, chính sách, kế hoạch, tiêu chí, đối tượng, quy trình bình xét và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ, trợ cấp, tín dụng để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển sản xuất, hỗ trợ xây dựng nhà ở, cấp thẻ bảo hiểm y tế và các chính sách an sinh xã hội khác được tổ chức triển khai trên địa bàn xã.

8. Thông tin về phạm vi, đối tượng, cách thức bình xét, xác định đối tượng,

mức hỗ trợ, thời gian, thủ tục thực hiện phân phối các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa hoặc để hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn; việc quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp, quyên góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài dành cho các đối tượng trên địa bàn xã Thạch Khê.

9. Số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ vào Quân đội Nhân dân và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ trên địa bàn xã Thạch Khê.

10. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm kỷ luật đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Trưởng ban của Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân.

11. Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân, nội dung lấy ý kiến, kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những nội dung Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đưa ra lấy ý kiến Nhân dân quy định tại Điều 18 của Quy chế này.

12. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do xã trực tiếp thu;

13. Các thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân do Ủy ban nhân dân trực tiếp thực hiện.

14. Các nội dung cụ thể khác của xã (*căn cứ vào công việc và điều kiện thực tế của xã tại thời điểm cụ thể*).

15. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai thông tin.

1. Hình thức công khai thông tin.

- a) Niêm yết thông tin;
- b) Đăng tải trên Trang thông tin điện tử xã;
- c) Phát tin trên hệ thống truyền thanh của xã;
- d) Phát tin trên hệ thống truyền thanh thôn để thông báo đến công dân;
- đ) Gửi văn bản đến công dân hoặc thông qua Trưởng thôn để thông báo đến công dân;
- e) Thông qua hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân xã với Nhân dân;
- g) Thông qua việc tiếp công dân, tiếp xúc cử tri, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của Ủy ban nhân dân xã theo quy định của pháp luật;

h) Thông báo đến tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức, đoàn thể khác để tổ chức phổ biến, tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên ở cơ sở;

i) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại xã, tại thôn;

k) Các hình thức cụ thể khác.

l) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định, văn bản của cơ quan có thẩm quyền về nội dung cần công khai, Ủy ban nhân dân xã phải tổ chức công khai thông tin.

Điều 6. Lựa chọn hình thức công khai thông tin.

1. Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của xã những nội dung Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đã công khai.

2. Ủy ban nhân dân xã niêm yết thông tin quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 4 Quy chế này tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở các thôn. Thời gian niêm yết thông tin ít nhất là 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

Thông tin quy định tại khoản 4 và khoản 13 Điều 4 của Quy chế này phải được niêm yết thường xuyên tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã và được cập nhật khi có sự thay đổi. Danh sách các nội dung đã được thực hiện công khai kèm theo hình thức, thời gian thực hiện được lập, cập nhật theo từng quý và niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn.

3. Thông tin quy định tại các khoản 7, 8, 9, 10, 11 và 12, Điều 4 của Quy chế này được công khai trên hệ thống truyền thanh của xã và được gửi đến các thôn để thông báo đến Nhân dân thông qua một hoặc nhiều hình thức: thông báo tại cuộc họp của cộng đồng dân cư, cuộc họp, sinh hoạt của tổ chức, đoàn thể khác ở thôn; thông báo trực tiếp hoặc gửi văn bản đến từng hộ gia đình; thông qua tin nhắn đến đại diện hộ gia đình hoặc sử dụng mạng xã hội nhóm chung hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật và đã được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn (nếu có).

4. Ủy ban nhân dân xã lựa chọn các hình thức công khai thông tin khác quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy chế này phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm để Nhân dân tiếp cận thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, thuận lợi.

5. Trường hợp pháp luật có quy định khác về hình thức, cách thức thực hiện công khai đối với nội dung thông tin cụ thể thì áp dụng theo quy định đó.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin.

1. Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch thực hiện việc công khai thông tin, trong

đó nêu rõ nội dung thông tin cần công khai, hình thức công khai, thời điểm, thời hạn công khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Trường hợp thông tin đã công khai có sự thay đổi, điều chỉnh thì nội dung thay đổi, điều chỉnh phải được kịp thời công khai theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin đối với những thông tin trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai, thông tin hết thời hạn công khai theo quy định của pháp luật hoặc thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được.

3. Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung công khai thông tin tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã để giám sát.

Mục 2

NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH

Điều 8. Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định

1. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn ở xã, ở thôn do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.

2. Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác.

3. Nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

4. Bầu, cho thôi làm trưởng thôn.

5. Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

6. Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

Điều 9. Đề xuất nội dung để Nhân dân bàn và quyết định

1. Đối với các nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã quyết định nội dung, lựa chọn hình thức và chỉ đạo, hướng dẫn Trưởng thôn tổ chức để Nhân dân bàn và quyết định.

2. Đối với các nội dung chỉ có phạm vi thực hiện trong thôn, Trưởng thôn sau khi thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận, đề xuất nội dung để cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

3. Công dân cư trú tại thôn có sáng kiến đề xuất về nội dung quy định tại Điều 8 của Quy chế này và được ít nhất là 10% tổng số hộ gia đình tại thôn đồng thuận thì gửi đề xuất đến trưởng thôn để đưa ra cộng đồng dân cư bàn và quyết

định nếu không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

Trường hợp sáng kiến của công dân chưa có đủ 10% tổng số hộ gia đình ở thôn đồng thuận nhưng xét thấy có thể mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư và được Ban công tác Mặt trận ở thôn tán thành thì Trưởng thôn đưa ra đề cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

Công dân có sáng kiến chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số lượng và danh sách hộ gia đình đồng thuận. Ý kiến đồng thuận với sáng kiến của công dân có giá trị trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thể hiện ý kiến.

Điều 10. Hình thức Nhân dân bàn và quyết định.

1. Tùy theo nội dung được đề xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Trưởng thôn tổ chức để Nhân dân ở thôn bàn và quyết định bằng một trong các hình thức sau đây.

- a) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư;
- b) Phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình;
- c) Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn.

2. Việc bàn, quyết định các nội dung quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 8 của Quy chế này phải được thực hiện tại cuộc họp của cộng đồng dân cư, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 của Quy chế này.

Hình thức biểu quyết trực tuyến chỉ áp dụng trong trường hợp cộng đồng dân cư quyết định các công việc quy định tại khoản 6 Điều 8 của Quy chế này mà Trưởng thôn sau khi thống nhất với Ban công tác Mặt trận ở thôn thấy không cần thiết tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư hoặc phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình.

3. Trường hợp pháp luật có quy định khác về việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định thì thực hiện theo quy định đó.

Điều 11. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư.

1. Cuộc họp của cộng đồng dân cư do Trưởng thôn triệu tập và chủ trì tổ chức. Trường hợp khuyết Trưởng thôn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ định đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn hoặc triệu tập viên là công dân có uy tín cư trú tại thôn đó để triệu tập và tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư.

Thành phần tham dự cuộc họp của cộng đồng dân cư gồm Trưởng thôn, Ban công tác Mặt trận ở thôn, đại diện các hộ gia đình trong thôn.

2. Đại diện hộ gia đình là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có khả năng đại diện được cho các thành viên hộ gia đình; trường hợp hộ gia đình không có người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thì đại diện hộ gia đình là người được các thành viên hộ gia đình thống nhất đề cử hoặc ủy nhiệm.

3. Trường hợp thôn có từ 200 hộ gia đình trở lên hoặc có địa bàn dân cư

sinh sống không tập trung thì có thể tổ chức các cuộc họp theo từng cụm dân cư.

Trưởng thôn có thể ủy quyền cho thành viên Ban công tác Mặt trận ở thôn, một công dân có uy tín cư trú tại cụm dân cư chủ trì, điều hành cuộc họp của cụm dân cư và báo cáo kết quả với trưởng thôn để tổng hợp vào kết quả chung của toàn thôn.

4. Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư được thực hiện như sau.

a) Người chủ trì cuộc họp tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp; giới thiệu người đề cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký;

b) Người chủ trì cuộc họp trình bày những nội dung đưa ra để xem xét, thảo luận tại cuộc họp;

c) Những người tham gia cuộc họp thảo luận;

d) Người chủ trì cuộc họp tổng hợp chung các ý kiến thảo luận tại cuộc họp; đề xuất các nội dung và phương án biểu quyết đối với các nội dung đã được thảo luận. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do các thành viên tham dự cuộc họp quyết định. Trường hợp bỏ phiếu kín thì cuộc họp bầu ra Ban kiểm phiếu để thực hiện việc tổ chức bỏ phiếu kín;

đ) Người chủ trì cuộc họp công bố kết quả biểu quyết và kết luận cuộc họp.

Điều 12. Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình.

1. Trưởng thôn tổ chức gửi phiếu biểu quyết đến từng hộ gia đình để lấy ý kiến biểu quyết về các nội dung có phạm vi thực hiện trong thôn hoặc trong địa bàn xã đối với các trường hợp sau đây.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định lựa chọn hình thức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình đối với nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã;

b) Cộng đồng dân cư đã tổ chức cuộc họp mà không có đủ đại diện của số hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 14 của Quy chế này;

c) Các trường hợp khác do Trưởng thôn quyết định sau khi đã thống nhất với Ban công tác Mặt trận ở thôn.

2. Trưởng thôn phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn xây dựng kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến; thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến có từ 03 đến 05 thành viên và công khai thông tin đến Nhân dân ở thôn về nội dung lấy ý kiến, thời điểm, thời hạn lấy ý kiến, thành phần Tổ phát phiếu lấy ý kiến chậm nhất là 02 ngày trước ngày thực hiện việc phát phiếu lấy ý kiến.

3. Mỗi hộ gia đình được phát 01 phiếu lấy ý kiến. Tổ phát phiếu có nhiệm vụ gửi phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến từng hộ gia đình, tổ chức thu phiếu theo đúng thời hạn đã được xác định và tổng hợp đầy đủ, khách quan kết quả phiếu lấy ý kiến.

Điều 13. Quyết định của cộng đồng dân cư

1. Quyết định của cộng đồng dân cư được thể hiện bằng văn bản dưới hình thức nghị quyết, biên bản cuộc họp, bản ghi nhớ, bản thỏa thuận của cộng đồng dân cư. Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể về hình thức văn bản thì

Trưởng thôn lựa chọn hình thức văn bản của cộng đồng dân cư phù hợp với nội dung quyết định và phong tục, tập quán, điều kiện thực tế của cộng đồng dân cư sau khi thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn.

2. Quyết định của cộng đồng dân cư gồm các nội dung chủ yếu sau đây.

- a) Thời gian cộng đồng dân cư bàn và quyết định;
- b) Tổng số hộ gia đình thuộc cộng đồng dân cư; số người đại diện hộ gia đình có mặt; số hộ gia đình không có người đại diện tham dự;
- c) Nội dung cộng đồng dân cư bàn;
- d) Hình thức cộng đồng dân cư quyết định;
- đ) Kết quả biểu quyết tại cuộc họp hoặc tổng hợp phiếu lấy ý kiến, kết quả biểu quyết trực tuyến của hộ gia đình;
- e) Nội dung quyết định của cộng đồng dân cư;
- g) Chữ ký của Trưởng thôn, Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn và 02 đại diện của các hộ gia đình.

3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày cộng đồng dân cư tổ chức họp biểu quyết hoặc kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến bằng phiếu, biểu quyết trực tuyến, quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua phải được gửi đến Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

Điều 14. Hiệu lực của quyết định của cộng đồng dân cư.

1. Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8 của Quy chế này được thông qua khi có từ hai phần ba tổng số đại diện hộ gia đình trở lên trong thôn tán thành.

Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8 của Quy chế này có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã được thông qua khi có từ hai phần ba tổng số thôn trở lên tán thành.

Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 8 của Quy chế này được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn tán thành.

2. Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại các khoản 1, 2 và 6 Điều 8 của Quy chế này có phạm vi thực hiện trong thôn có hiệu lực kể từ ngày được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua.

Đối với quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều 8 của Quy chế này có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã, thì thời điểm có hiệu lực do Ủy ban nhân dân xã quyết định trên cơ sở tổng hợp kết quả biểu quyết của cộng đồng dân cư.

Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại các khoản 3 và khoản 4 Điều 8 của Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã ban hành quyết định công nhận.

Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 5 Điều 8 của Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã ban hành quyết định công nhận.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của cộng đồng dân cư, Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã phải ban hành quyết định công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quyết định của cộng đồng dân cư.

1. Quyết định của cộng đồng dân cư được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây.

a) Có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội;

b) Không tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục thông qua văn bản của cộng đồng dân cư theo quy định của Quy chế này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Cộng đồng dân cư thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

2. Ủy ban nhân dân xã quyết định bãi bỏ quyết định của cộng đồng dân cư đối với trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Ủy ban nhân dân xã quyết định bãi bỏ hoặc đề nghị cộng đồng dân cư sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp đối với trường hợp quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này.

Quyết định bãi bỏ hoặc văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế quyết định của cộng đồng dân cư phải được Ủy ban nhân dân xã gửi đến Trưởng thôn để thông báo đến Nhân dân và được gửi đồng thời đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

3. Cộng đồng dân cư tự mình quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quyết định của mình khi xét thấy cần thiết hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế quyết định của mình theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã theo đúng trình tự, thủ tục tại Điều 11, 12, 13 và 14 của Quy chế này.

Điều 16. Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư.

1. Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã; Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư thuộc phạm vi địa bàn xã; kiểm tra, theo dõi việc tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư có phạm vi thực hiện trong thôn.

Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân xã về việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong địa

bàn xã tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã để giám sát.

2. Trưởng thôn có trách nhiệm công khai kết quả biểu quyết hoặc kết quả tổng hợp phiếu lấy ý kiến của Nhân dân tại thôn; tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư có phạm vi thực hiện trong thôn; báo cáo kết quả thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư đến Nhân dân ở thôn và đến Ủy ban nhân dân xã.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện các nội dung Nhân dân bàn, quyết định.

Điều 17. Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia bàn, quyết định các nội dung, công việc ở cơ sở.

1. Công dân, hộ gia đình tích cực quan tâm đến công việc chung của cộng đồng dân cư; có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham gia họp bàn, thảo luận, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong thôn, trong địa bàn xã; thực hiện nghiêm túc các nội dung thuộc trách nhiệm đã được cộng đồng dân cư quyết định.

2. Đại diện hộ gia đình có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của cộng đồng dân cư; tập hợp, nắm bắt ý kiến chung của các thành viên hộ gia đình để phản ánh, tham gia thảo luận tại cuộc họp hoặc thể hiện trên phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình; phổ biến, truyền đạt lại cho các thành viên hộ gia đình về kết quả bàn, thảo luận, quyết định của cộng đồng dân cư. Trường hợp thành viên hộ gia đình có ý kiến khác với ý kiến của đại diện hộ gia đình thì được đăng ký tham dự cuộc họp của cộng đồng dân cư để thể hiện ý kiến, quan điểm của mình tại cuộc họp.

3. Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở thôn có trách nhiệm tích cực, gương mẫu tham gia bàn và quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong thôn, trong địa bàn xã; có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc và tuyên truyền, hướng dẫn, vận động gia đình và các thành viên trong cộng đồng thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư.

4. Trường hợp nhận thấy quyết định của cộng đồng dân cư không bảo đảm trình tự, thủ tục hoặc có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội thì công dân có quyền kiến nghị, phản ánh đến Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và Ban Thanh tra nhân dân.

Mục 3

NHÂN DÂN THAM GIA Ý KIẾN

Điều 18. Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định

1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, phương án phát triển ngành, nghề của xã.

2. Dự thảo quy hoạch sử dụng đất và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất được giao cho Ủy ban nhân dân xã quản lý.

3. Chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án di dân, tái định canh, định cư đối với việc quyết định đầu tư công dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án có quy mô di dân, tái định canh, định cư lớn, dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, dự án có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án.

4. Dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính; dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, đặt tên, đổi tên thôn, sáp nhập, ghép cụm dân cư.

5. Dự thảo quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân xã có liên quan đến lợi ích cộng đồng, bao gồm quyết định ban hành hoặc phê duyệt chương trình, kế hoạch, dự án, đề án có nội dung tác động đến môi trường, sức khỏe của cộng đồng, trật tự, an toàn xã hội và những vấn đề khác có ảnh hưởng đến cộng đồng.

6. Dự thảo quy hoạch đô thị và nông thôn.

7. Dự thảo quy chế về thực hiện dân chủ ở xã; dự thảo quy chế thực hiện dân chủ trong từng lĩnh vực, nội dung hoạt động cụ thể (nếu có).

8. Dự thảo quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành là công dân trên địa bàn xã.

9. Các nội dung cụ thể khác căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương để quy định.

10. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền xã thấy cần lấy ý kiến.

Điều 19. Hình thức Nhân dân tham gia ý kiến

1. Hình thức lấy ý kiến Nhân dân.

a) Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân xã với Nhân dân;

b) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư;

c) Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình;

d) Thông qua hòm thư góp ý, đường dây nóng;

đ) Thông qua Ban công tác Mặt trận ở các thôn và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã;

e) Thông qua cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã;

g) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại cấp xã, tại các thôn;

h) Tổ chức đối thoại, lấy ý kiến công dân là đối tượng thi hành đối với nội dung quy định tại khoản 8 Điều 18 của Quy chế này.

2. Tùy theo nội dung, tính chất, yêu cầu của việc lấy ý kiến Nhân dân, khả năng, điều kiện đáp ứng thực tế của địa phương và phù hợp với quy chế thực hiện dân chủ ở xã, Ủy ban nhân dân xã quyết định lựa chọn một hoặc một số hình thức quy định tại khoản 1 Điều này để tổ chức lấy ý kiến Nhân dân. Trường hợp pháp luật có quy định về việc áp dụng hình thức, cách thức tổ chức cụ thể để lấy ý kiến cụ thể của Nhân dân về nội dung nhất định thì việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của Nhân dân thực hiện theo quy định đó.

Điều 20. Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến

1. Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về các nội dung quy định tại Điều 18 của Quy chế này thuộc thẩm quyền quyết định của xã, trong đó xác định rõ nội dung lấy ý kiến, hình thức lấy ý kiến, cách thức, thời hạn triển khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện. Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân phải được gửi đến Hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

Trường hợp tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên thì Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện việc lấy ý kiến theo các nội dung được giao trong kế hoạch lấy ý kiến của cơ quan chịu trách nhiệm lấy ý kiến.

2. Ủy ban nhân dân xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã tổ chức thực hiện kế hoạch đã được thông qua. Thời gian lấy ý kiến Nhân dân ít nhất là 20 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến. Trường hợp pháp luật có quy định cụ thể thời hạn lấy ý kiến Nhân dân thì thực hiện theo quy định đó.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tiếp nhận, tổng hợp ý kiến, thông tin phản hồi của Nhân dân; nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của Nhân dân về các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của xã để quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã quyết định và thực hiện việc công khai kết quả tổng hợp ý kiến của Nhân dân, nội dung giải trình, tiếp thu đến Nhân dân.

4. Đối với những nội dung do cơ quan có thẩm quyền giao cho chính quyền địa phương đưa ra lấy ý kiến Nhân dân thì Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về kết quả lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn. Cơ quan có thẩm quyền quyết định có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến đóng góp của Nhân dân về những nội dung đã đưa ra lấy ý kiến; trường hợp quyết định có nội dung khác với ý kiến của đa số Nhân dân thì phải giải trình, nêu rõ lý do của việc không tiếp thu và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân phải được gửi đến Ủy ban nhân dân xã để thực hiện việc công khai thông tin đến Nhân dân.

5. Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân xã về việc tổ

chức lấy ý kiến Nhân dân và kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã để giám sát.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc thực hiện kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và tổ chức hội nghị đối thoại với Nhân dân trên địa bàn; trực tiếp hướng dẫn, thực hiện việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với những nội dung thuộc trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã thực hiện giám sát việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn; việc tổ chức đối thoại, lấy ý kiến trong trường hợp Ủy ban nhân dân xã ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành và quá trình, kết quả giải trình, tiếp thu và tổ chức thực hiện các nội dung Nhân dân tham gia ý kiến.

Điều 21. Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia ý kiến về các nội dung ở địa phương.

1. Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và mọi công dân cư trú trên địa bàn có trách nhiệm tích cực tham gia ý kiến về những nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư để làm cơ sở cho các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, của đất nước.

2. Cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham dự họp bàn, thảo luận, thể hiện ý kiến đối với các nội dung theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Công dân theo dõi, đánh giá, giám sát việc tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân trên địa bàn đối với những nội dung đã được đưa ra lấy ý kiến và quá trình tổ chức thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền đối với các nội dung này.

Mục 4

NHÂN DÂN KIỂM TRA, GIÁM SÁT

NỘI DUNG, HÌNH THỨC KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 22. Nội dung kiểm tra, giám sát.

1. Công dân kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà Nhân dân đã bàn và quyết định quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

2. Công dân giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, công chức xã, người hoạt động không chuyên trách ở các thôn.

Điều 23. Hình thức kiểm tra, giám sát.

1. Công dân trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua:

a) Hoạt động lao động, sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt của công dân ở cộng đồng dân cư;

b) Quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, công chức xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn và người dân ở cộng đồng dân cư;

c) Tiếp cận các thông tin được công khai; các thông tin, báo cáo của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, cán bộ, công chức xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý hoặc thực hiện các nội dung Nhân dân đã bàn và quyết định;

d) Tham dự hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân xã với Nhân dân, hội nghị tiếp xúc cử tri, hoạt động tiếp công dân; hội nghị định kỳ và các cuộc họp khác của cộng đồng dân cư.

2. Công dân thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Hội nghị đối thoại giữa Ủy ban nhân dân xã với Nhân dân

1. Hằng năm, Ủy ban nhân dân xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân ít nhất một lần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Nội dung đối thoại tập trung vào:

a) Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và quản lý nhà nước trên địa bàn;

b) Những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Nhân dân;

c) Những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, phản ánh của Nhân dân;

d) Các nội dung khác phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương.

3. Ý kiến tại hội nghị phải được tổng hợp, phân loại, xác định trách nhiệm xử lý và thông tin kết quả giải quyết cho Nhân dân theo quy định.

Điều 25. Hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư

1. Hội nghị cộng đồng dân cư được tổ chức theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng thôn chủ trì, phối hợp với Ban công tác Mặt trận ở thôn tổ chức hội nghị.

3. Nội dung hội nghị tập trung thông tin về tình hình của cộng đồng dân cư; kết quả thực hiện các quyết định của cộng đồng; tình hình thực hiện dân chủ và những vấn đề Nhân dân quan tâm.

Mục 5

BAN THANH TRA NHÂN DÂN VÀ BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

Điều 26. Ban Thanh tra nhân dân

1. Ban Thanh tra nhân dân được tổ chức, hoạt động, bầu, cho thôi làm nhiệm vụ, công nhận và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã trực tiếp hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tạo điều kiện để Ban Thanh tra nhân dân thực hiện nhiệm vụ; cung cấp hoặc chỉ đạo cung cấp thông tin, tài liệu thuộc phạm vi được yêu cầu theo quy định; xem xét, giải quyết và trả lời kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân theo thẩm quyền.

4. Ban Thanh tra nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát và kiến nghị xử lý theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Điều 27. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã chủ trì việc thành lập, hướng dẫn và chỉ đạo hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tạo điều kiện để Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện nhiệm vụ; cung cấp hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu thuộc phạm vi giám sát theo quy định.

4. Chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin và tạo điều kiện để Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Điều 28. Bảo đảm hoạt động kiểm tra, giám sát của Nhân dân

1. Ủy ban nhân dân xã bảo đảm điều kiện cần thiết theo khả năng ngân sách và quy định của pháp luật để Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện nhiệm vụ.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin và thực hiện các kiến nghị hợp pháp của các cơ quan, tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền.

3. Việc tiếp nhận, giải quyết kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã

1. Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này trên địa bàn xã.

2. Ban hành hoặc tổ chức thực hiện kế hoạch hằng năm về thực hiện dân chủ ở cơ sở phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị, Trưởng thôn thực hiện công khai thông tin, tổ chức lấy ý kiến, tạo điều kiện để Nhân dân bàn, quyết định, kiểm tra và giám sát theo quy định.

4. Tổ chức tiếp nhận, xử lý và giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân theo thẩm quyền.

5. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã trong tuyên truyền, hướng dẫn và giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

6. Định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện dân chủ ở cơ sở; báo cáo Hội đồng nhân dân xã và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 30. Trách nhiệm của các phòng, bộ phận chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân xã thực hiện dân chủ ở cơ sở thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Chủ động công khai thông tin, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với những nội dung thuộc trách nhiệm theo quy định.

3. Tiếp nhận, tổng hợp, tham mưu giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân; thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu.

4. Phối hợp với Văn phòng HĐND - UBND xã trong việc công khai thông tin và theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện Quy chế.

Điều 31. Trách nhiệm của Trưởng thôn

1. Tổ chức thực hiện dân chủ tại cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Phối hợp với Ban công tác Mặt trận ở thôn tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định, tham gia ý kiến, kiểm tra, giám sát các nội dung thuộc phạm vi cộng đồng dân cư.

3. Công khai các nội dung cần thông tin đến Nhân dân; tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện các quyết định hợp pháp của cộng đồng dân cư.

4. Tiếp nhận, tổng hợp kiến nghị, phản ánh của Nhân dân và chuyển đến cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết.

5. Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và Ban công tác Mặt trận ở thôn trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã:

a) Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện dân chủ ở cơ sở;

- b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã tổ chức lấy ý kiến, đối thoại với Nhân dân;
- c) Thực hiện giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định;
- d) Hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định;
- đ) Tiếp nhận, tổng hợp kiến nghị, phản ánh của Nhân dân và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền;
- e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội xã: Có trách nhiệm tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện dân chủ; phối hợp giám sát, phản biện xã hội và tham gia thực hiện các nội dung của Quy chế theo quy định.

Điều 33. Trách nhiệm của công dân

- 1. Thực hiện quyền dân chủ đúng quy định của pháp luật; tích cực tham gia các hoạt động của cộng đồng dân cư.
- 2. Tham gia ý kiến, bàn và quyết định các nội dung thuộc quyền của Nhân dân; kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo quy định.
- 3. Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; không lợi dụng việc thực hiện dân chủ để vi phạm pháp luật.
- 4. Chịu trách nhiệm về nội dung kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về dân chủ ở cơ sở được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 35. Chế độ kiểm tra, báo cáo và đánh giá

- 1. Ủy ban nhân dân xã tổ chức kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Quy chế; kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót và xử lý hoặc kiến nghị xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền.
- 2. Các phòng, bộ phận chuyên môn, Trưởng thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thực hiện dân chủ ở cơ sở theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã.
- 3. Kết quả thực hiện dân chủ ở cơ sở được xem xét trong đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan theo quy định.

Điều 36. Tổ chức thực hiện và xử lý trường hợp phát sinh

- 1. Ủy ban nhân dân xã chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

T.H.A

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

3. Những nội dung chưa được quy định tại Quy chế này thực hiện theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, các nghị định của Chính phủ, văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, Trưởng thôn phản ánh về Ủy ban nhân dân xã để xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật./.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ